

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số huyện Krông Pắc
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/04/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 25-CTr/HU ngày 9/6/2021 của Huyện ủy Krông Pắc về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 02/04/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Krông Pắc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện hiệu quả, đúng mục tiêu Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 02/04/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 25-CTr/HU ngày 9/6/2021 của Huyện ủy Krông Pắc về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 02/04/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030. Giúp cho các ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp căn cứ để triển khai chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động
- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
 - 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
 - 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh;

- Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn huyện; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phần đầu Kinh tế số chiếm 10% GRDP;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã, thị trấn;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh thực hiện cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền điện tử đạt 50%.

- Xây dựng thành công nền tảng đô thị thông minh cho huyện Krông Pắc.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

a) *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động*

- 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã, thị trấn được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*

- Kinh tế số chiếm 15% đến 20% GRDP;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

c) *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số*

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

a) Chuyển đổi nhận thức

- Người đứng đầu tại các phòng, ban, đơn vị, địa phương, chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- UBND các xã, thị trấn triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Áp dụng chi trả bằng chuyển khoản cho tất cả các đối tượng tạo nền móng, cơ sở cho việc thanh toán điện tử. Khi người dân tạo dựng được thói quen sử dụng tài khoản sẽ tiến tới áp dụng thanh toán điện tử tạo điều kiện cho thương mại điện tử phát triển khi đó người dân sẽ chủ động tiếp cận các kỹ năng cơ bản như truy cập sử dụng Internet, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và các dịch vụ công trực tuyến.

b) Kiến tạo thể chế

- Các phòng, ban, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng; Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số theo hướng: Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số trên địa bàn huyện.

c) Phát triển hạ tầng số

- Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên toàn huyện. Ưu tiên phát triển tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của huyện sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của tỉnh sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

d) Phát triển nền tảng số

- Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu: Tiếp tục triển khai mở rộng, hoàn thiện Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Nền tảng Internet vạn vật (IoT): Trong Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 sẽ triển khai thí điểm việc tích hợp dữ liệu IoT trên một số dữ liệu hiện có của huyện. Các nhiệm vụ cụ thể như sau: Xây dựng nền tảng IoT; Xây dựng hệ thống IoT về môi trường; Xây dựng hệ thống IoT về giao thông.

- Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa: Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa cần đảm bảo các yêu cầu chung sau: Đảm bảo việc kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng tại đơn vị và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Lưu trữ tài liệu được số hóa, làm hồ sơ gốc phục vụ cho việc quản lý, khai thác tài liệu điện tử.

- Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

đ) Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh;

- Xây dựng các chính sách và quy định về vai trò và quyền khi truy cập dữ liệu ở các mức độ khác nhau.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin và tính riêng tư đến các cán bộ nhân viên trong cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp chuyển đổi số,... cần được thực hiện định kỳ hằng năm với nội dung cập nhật.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức an toàn thông tin trong và ngoài nước, hình thành mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin rộng khắp.

e) Nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số.

- Xây dựng chương trình hành động cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại, tăng tỷ lệ đầu tư công cho các dự án công nghệ.

- Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR). Ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại.

- Các phòng, ban, đơn vị huyện; UBND các xã, thị trấn chủ động hợp tác trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng.

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính phủ số

a) Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin một cửa điện tử của huyện và UBND xã, thị trấn để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, 4. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ. Xây dựng hệ thống hồ sơ sức khỏe cho người dân với việc trang bị cổng thông tin cho người dân để theo dõi sức khỏe và cập nhật các kiến thức chăm sóc sức khỏe từ các cơ quan chuyên môn; thiết lập cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh của người dân nhằm quản lý thông tin hồ sơ sức khỏe một cách tập trung và xuyên suốt từ cấp huyện đến cơ sở trên toàn huyện.

b) Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

c) Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, nhân rộng.

d) Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

a) Phát triển thương mại điện tử của huyện. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng.

b) Phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, không chỉ dừng lại ở người tiêu dùng. Các nhà sản xuất, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng.

c) Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

4. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

a) Hàng năm cử đào tạo, bổ sung cử nhân, kỹ sư chuyên ngành công nghệ thông tin. Điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing).

b) Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM/STEAM/STEAME), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

c) Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế:

a) Nghiên cứu, triển khai ứng dụng nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo và thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân; 100% các cơ sở y tế có bộ phận hỗ trợ khám bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

b) Nghiên cứu, xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thanh toán viện phí điện tử; hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số; tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu về y tế.

c) Phát triển các ứng dụng cung cấp kiến thức phòng bệnh, khám bệnh và chăm sóc sức khỏe để người dân có thể tra cứu thông tin dễ dàng, hiệu quả.

d) Căn cứ các quy định, văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế hướng dẫn cụ thể các quy định để tạo điều kiện cho khám, chữa bệnh từ xa, đơn thuốc điện tử,

giúp người dân nhanh chóng được hỗ trợ từ bác sỹ, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

d) Nghiên cứu giải pháp bác sỹ tư vấn, chăm sóc trực tuyến, hình thành hệ thống y tế hoàn chỉnh từ chăm sóc sức khỏe ban đầu đến khám và điều trị.

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:

a) Nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT, thống nhất nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý và giáo viên các trường học trên địa bàn huyện.

b) Xây dựng hạ tầng CNTT cho các trường theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả. Đến năm 2025, có 100% các trường được kết nối đường truyền Internet băng thông rộng; 100% học sinh được tiếp cận dịch vụ Internet và các kho học liệu trực tuyến; 100% các trường học có trang thông tin điện tử.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến.

d) Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

đ) 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa. ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

e) Hoàn thiện và triển khai sử dụng rộng rãi Hệ thống phần mềm quản lý giáo dục với các phân hệ quản lý mầm non, quản lý tiểu học, quản lý trung học cơ sở.

g) Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, đào tạo.

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp:

a) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

b) Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu của ngành về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản,... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng.

c) ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ, ...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

d) Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý; điều hành kịp

thời phát triển nông nghiệp nhu dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

5.4. Chuyển đổi số trong du lịch:

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan hoàn thành việc số hóa toàn bộ các dữ liệu về danh lam, thắng cảnh, văn hóa truyền thống, khu du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên du lịch, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, khách du lịch trên địa bàn huyện; liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh, của quốc gia.

b) Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động sử dụng ứng dụng công nghệ thực tế ảo, công nghệ trí tuệ nhân tạo, trợ lý du lịch ảo và các công nghệ tiên tiến khác cung cấp đầy đủ các thông tin theo thời gian thực phục vụ du khách và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

c) Khuyến khích các điểm du lịch cung cấp dịch vụ Internet không dây (kết nối Wifi) miễn phí phục vụ du khách. Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến tại các điểm du lịch.

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải:

a) Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, đăng ký và quản lý phương tiện, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện,... trên nền tảng số.

b) Phát triển hệ thống giao thông thông minh; ứng dụng các giải pháp giám sát đảm bảo an toàn của các phương tiện giao thông công cộng.

c) Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ giao thông, vận tải.

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

b) Nâng cấp, mở rộng, khai thác, phát huy hiệu quả hệ thống quan trắc môi trường đã được đầu tư; đảm bảo hệ thống tự động thu thập, tiếp nhận thông tin, phân tích, đánh giá và đưa ra cảnh báo về ô nhiễm môi trường kịp thời, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của huyện.

5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng:

a) Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

b) Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, kịp thời xác định sự cố về mạng lưới, hỗ trợ người dùng tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

c) Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ ngành điện, trước hết là thu tiền điện hàng tháng.

5.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

- a) Chuyển đổi số cho các lĩnh vực công nghiệp theo hướng nhà máy thông minh (smart factory). Trước hết tập trung vào số hóa hoạt động của nhà máy và hiện đại hóa quy trình hoạt động theo hướng kết nối thực - ảo. Thực hiện chế tạo thông minh, sản xuất thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh.
- b) Ưu tiên thu hút các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin, viễn thông, công nghiệp điện tử, thiết bị tự động tích hợp trí tuệ nhân tạo,... tạo ra các động lực mới cho tăng trưởng kinh tế của huyện.

5.9. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng:

- a) Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong ngành tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán. Xây dựng nền tài chính điện tử, thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững.
- b) Các ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình.
- c) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong lĩnh vực thuế, kho bạc, tạo điều kiện thuận lợi, công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các phòng, ban, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, lạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

3. Đối với các đơn vị có các nguồn kinh phí được để lại theo quy định (đang để ngoài cân đối ngân sách): Việc sử dụng kinh phí để thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật chuyên ngành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử huyện

Nghiên cứu, đề xuất với UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin (là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử huyện)

- Chủ trì hướng dẫn, triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả thực

hiện của các đơn vị, báo cáo UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện; UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

- Đầu mối, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về chuyên đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp, người dân để thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan lựa chọn từ 03 đến 05 xã, thị trấn để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho tổ chức, người dân.

- Căn cứ văn bản hướng dẫn từ UBND tỉnh, các Sở, Ban, Ngành liên quan chủ trì rà soát, tổng hợp ý kiến các đơn vị, tham mưu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách; triển khai các hệ thống nền tảng xây dựng Chính quyền số, các dịch vụ xây dựng chính quyền số liên quan, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Phối hợp với các Phòng, Ban, các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, cập nhật, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch, Chương trình chuyển đổi số của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các Sở, Ban, Ngành giao cho địa phương phối hợp hoặc chủ trì thực hiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông, cung cấp dịch vụ số cho các cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp trên địa huyện đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch từ nguồn kinh phí được giao.

4. Các Phòng, Ban UBND huyện; các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan

- Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, công dân; ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong các đơn vị.

- Chủ động nghiên cứu, rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án, đề án để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; trước mắt khẩn trương triển khai đối với các dịch vụ thiết yếu như thanh toán tiền điện, nước, các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường, nộp các loại thuế, phí hàng năm,...

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và các Chương trình, Kế hoạch chuyển đổi số của các Sở, Ban, Ngành chủ động xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị mình; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (thông qua Phòng Văn hóa và Thông tin) trước ngày 30/6 và 15/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

5. Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn huyện

- Là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong Kế hoạch này.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Các doanh nghiệp viễn thông - công nghệ thông tin phối hợp với Phòng, Ban, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thí điểm truyền thông số, các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới cho các đơn vị trên địa bàn huyện.

6. Đề nghị ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị, đoàn thể huyện

Xây dựng kế hoạch phù hợp tham gia tuyên truyền sâu rộng về nội dung Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 02/04/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Đắk Lắk về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 25-CTr/HU ngày 9/6/2021 của Huyện ủy Krông Pắc về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 02/04/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Đắk Lắk về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 và nội dung kế hoạch này trên địa bàn huyện và các văn bản có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, người lao động và Nhân dân góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tham gia sử dụng các dịch vụ công nghệ số; hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra.

7. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng khu dân cư (thôn, buôn, tổ dân phố), hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Trên đây là nội dung Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Krông Pắc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu Trưởng các Phòng, Ban; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan nghiên cứu, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- STTTT tỉnh (b/c);
- Huyện ủy (b/c);
- Chủ tịch, PCT-UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện (t/h);
- Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử;
- UBND các xã, thị trấn (t/h);
- Cổng thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đinh Xuân Diệu

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Chủ trì
I	Nhóm nhiệm vụ chung		
1	Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Hàng năm	Phòng Văn hóa và Thông tin
2	Tuyên truyền về chương trình và kết quả thực hiện chuyển đổi số của huyện	Hàng năm	Phòng Văn hóa và Thông tin
3	Rà soát mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh bổ sung cho các xã, thị trấn	Năm 2021	Phòng Văn hóa và Thông tin
4	Xây dựng Chương trình đảm bảo an toàn thông tin huyện giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Phòng Văn hóa và Thông tin
5	Triển khai hệ thống họp giao ban trực tuyến cho 16 xã, thị trấn	Năm 2021	Văn phòng HĐND và UBND
6	Xây dựng hệ thống Cổng thông tin điện tử cho 16 xã, thị trấn	Năm 2021	Phòng Văn hóa và Thông tin
7	Triển khai biên lai điện tử thu phí, lệ phí tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện và cấp xã, thị trấn	Năm 2021	Văn phòng HĐND và UBND
8	Triển khai giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN	Năm 2021	Văn phòng HĐND và UBND, Phòng LĐTB-XH
9	Phát triển mạng 5G tại huyện	Năm 2022	Phòng Văn hóa và Thông tin
10	Xây dựng nền tảng IoT của huyện	Năm 2022	Phòng Văn hóa và Thông tin
11	Xây dựng Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa	Năm 2022	Phòng Văn hóa và Thông tin

12	Xây dựng nền tảng trí tuệ nhân tạo	Năm 2023	Phòng Văn hóa và Thông tin
II	Phát triển Chính quyền số		
13	Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân	Hàng năm	Các phòng, ban, đơn vị huyện; UBND các xã, thị trấn
14	Ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước	Hàng năm	Các phòng, ban, đơn vị huyện; UBND các xã, thị trấn
III	Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực		
15	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế	Căn cứ vào chương trình chuyển đổi số, các đơn vị xây dựng Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh trước tháng 12/2021	Phòng Y tế
16	Chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo		Phòng Giáo dục và Đào tạo
17	Chuyển đổi số trong nông nghiệp		phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Chuyển đổi số trong môi trường		phòng Tài nguyên và Môi trường